

TỨ TÝ QUÁN ÂM

Biên soạn: HUYỀN THANH

Tứ Tý Quán Âm (Tên Phạn là: Caturbhūja-avalokiteśvara), là **Tôn Chủ Đại Bi Quán Âm** của Tạng Mật, đại biểu cho Đại Bi, Đại Trí, Đại Lực, là pháp môn của người tu theo Mật Thừa. Tôn này có tên gọi là **Lục Tự Đại Minh** (Ṣaḍ-akṣarī-mahā-vidya) cùng với **Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī), **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi) hợp lại gọi là “**Tam Tộc Tính Tôn**”. Ngài có địa vị là Hộ Chủ của vùng núi Tuyết, là Bản Tôn tối cao của Tạng Mật và Tạng Địa.



Trong Tạng truyền Phật giáo, Tôn này là Chủ Tôn của Lục Tự Đại Minh Chú “**Om maṇi-padme hūṃ**” là Chân Ngôn có lợi ích với Công Đức vô cùng rộng lớn cho nên được lưu truyền rất rộng lớn ở các vùng Hán với Tạng.

Các vị Đạo sư Mật giáo Tây Tạng đều nhận định rằng: “OM MAṆI PADME HŪM là tinh túy Trí Tuệ của chư Phật, là tinh hoa của 05 cõi Phật và các vị Thượng sư. Văn tự Thần chú của 06 âm vận thể hiện là nguồn gốc của tất cả sự thiện mỹ, căn nguyên của mọi sự lợi lạc tốt lành, hoàn toàn viên mãn con đường thẳng tắt vượt qua Thế gian, thành tựu sự giải thoát Xuất Thế gian”.

Để cho nhận định trên được rõ ràng hơn, các vị Đạo sư Tây Tạng đã minh họa Lục Tự Đại Minh Chú như sau:

OM (ॐ) màu trắng, âm vận thể hiện Thánh Đức của Quán Thế Âm Bồ Tát được phát ra từ Thần lực du hý tự tại. OM là tướng thể của Thiên định viên mãn, hằng diệt

trừ tính kiêu ngạo, nhất là tính tự cao của cõi Trời, vì đó là cội nguồn phát sinh phiền não sa đọa (roi xuống các cõi thấp hơn). OM trừ kiêu ngạo và nghiệp phiền não. OM đồng với hình tướng và công năng uy lực của vua trời **Đê Thích** (Indra), vị Thánh của hàng Trời. OM thể hiện cho **Bình Đẳng Tính Trí** (Samatā-jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Nam vào thế giới Chúng Bảo Trang Nghiêm của Đức Phật **Bảo Sinh** (Ratna-sambhava).

MA (𑖓) màu xanh lục, âm vận tiêu biểu cho công hạnh, phát sinh từ năng lực Thần thông Từ Bi vô ngại của Quán Thế Âm Bồ Tát, thị hiện trước tất cả chúng sinh. MA là tính thể của Nhân Nhục Ba La Mật, có công năng tiêu trừ tính ganh ghét đố kỵ đặc biệt đang ngự trị cõi **A Tu La** (Asura). MA đồng hóa với Tướng và Dụng của Ngài **Dũng Hiền** (Vīra-bhadra hay Vemacitra), vị Thánh trong hàng A Tu La. MA thể hiện cho ánh sáng của **Thành Sở Tác Trí** (Kṛtya muṣṭhāna jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Bắc vào thế giới Thanh Tịnh Diệu Hạnh Thành Tựu của Đức Phật **Bất Không Thành Tựu** (Amogha-siddhi).

NI (𑖓) màu vàng, âm vận biểu hiện cho Trí Tuệ bao hàm Thân, Khẩu, Ý, Đức và Hạnh. NI hoán chuyển bản tính vượt qua Thế gian luân hồi khổ não. NI biểu hiện cho năng lực Thần thông Du Hý rộng lớn bao trùm tất cả, tùy duyên thị hiện của Đức Đại Bi Quán Thế Âm. NI là tính thể của Trì Giới Ba La Mật, hay diệt trừ sự si mê, là nguyên nhân đưa đến sự sinh già bệnh chết của loài người. NI đồng với hình tướng và công hạnh của Đức **Thích Ca Mâu Ni** (Śākya-siṃha: Thích Sư Tử) hóa thân của những vị Thánh trong loài người. NI thể hiện ánh sáng Trí Tuệ Thần thông diệu dụng, dẫn dắt chúng sinh vào thế giới Thanh Tịnh Viên Mãn của Đức Phật Thứ Sáu là Ngài **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra: Trì Kim Cương).

PAD (𑖓) màu xanh da trời, âm vận tiêu biểu cho bản thân (THÂN), thể hiện Thần thông du hý bình đẳng vô tận của Đức Đại Bi Quán Thế Âm. PAD là tính thể của Tinh Tiến Ba La Mật có công năng diệt trừ sự vô minh, là nguyên nhân đưa đến các sự khổ đau của cõi Súc sinh. PAD đồng với hình tướng và công hạnh của Ngài **Sư Tử Dũng Mạnh** (Siṃha-Ugra hay Dhruva-siṃha), vị Thánh trong cõi Súc sinh. PAD là ánh sáng Pháp giới Thể Tính Trí (Dharma-dhātu-parakṛti-jñāna) hướng dẫn 06 loài chúng sinh đi vào Thế Giới Trung Ương Mật Nghiêm của Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana).

ME (𑖓) màu đỏ, âm vận của ngôn ngữ (KHẨU) biểu hiện cho năng lực Thần thông an lạc vô tận của Đức Đại Bi Quán Thế Âm ban bố cho tất cả chúng sinh. ME là tính thể của Bồ Thí Ba La Mật có công năng tẩy trừ tính tham lam, tham dục, keo kiệt là nguồn gốc sinh ra sự khổ não đói khát của loài Ngạ Quỷ. ME đồng hóa với sắc thân và công hạnh của **Tiêu Diện Đại Sĩ** (Diệm Khẩu: Jvala-mukha) vị Thánh trong cõi Ngạ Quỷ. ME là ứng hiện của ánh sáng **Diệu Quán Sát Trí** (Pratyave-kṣana-jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Tây đi vào Thế giới Cực Lạc của Đức Phật **A Di Đà** (Amitābha).

HŪM (𑖓) màu đen, âm vận của ý, biểu hiện cho năng lực Thần thông du hý của Tâm Từ vô tận mà Đức Quán Thế Âm đã nhìn tất cả chúng sinh như con một của Ngài. HŪM là tính thể của Trí Tuệ Ba La Mật, có công năng tiêu trừ tính giận dữ và thù hận là nguyên nhân đưa đến quả báo phải chịu cực hình khổ não ở cõi Địa ngục. HŪM đồng với sắc tướng và công hạnh của Đức **Diêm La Pháp Vương** (Yama-dharma-rājā hay Dharma-rāja), vị Thánh cứu tinh cho chúng sinh trong cõi Địa ngục. HŪM là ứng

hiện của ánh sáng **Đại Viên Kính Trí** (Adarśa-jñāna) hướng dẫn chúng sinh vượt qua phương Đông đi vào Thế giới Diệu Lạc của Đức Phật **Bất Động** (Akṣobhya).

Ngoài ra, các danh sư Tây Tạng còn cho biết rằng 06 chữ này có rất nhiều nghĩa lý nhiệm màu bí mật, không ai có thể hiểu biết hết được. Tuy nhiên, do câu chú này quá thông dụng lại có công năng vô cùng nhiệm nên được nhiều nhà Luận giải giải thích theo sự hiểu biết của riêng mình. Tựu trung đối với giáo đồ Phật giáo Tây Tạng thì Lục Tự Đại Minh Chú đã trở thành câu chú tiêu biểu cho Tâm Đại Bi và sự ân sủng của tất cả chư Phật Bồ tát, nhất là ân sủng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát nhằm cứu độ muôn loài thoát khỏi mọi ách nạn khổ đau, đồng thời nhân dân Tây Tạng rất tin tưởng rằng Bồ Tát Quán Thế Âm là một vị Phật của lòng Bi mẫn, là vị Thần hộ mệnh bậc nhất của dân tộc (Chenresi – Thần Hộ mệnh của Núi Tuyết).

Ngày nay, khắp mọi nơi ở Tây Tạng: trong những điệp khúc cầu nguyện, trên những hòn đá ở những đỉnh núi cao, trên những bia đá, trên những lá cờ, trên vật khí chuyển pháp luân, trên đôi môi của dân chúng ... đều có thể nhận thấy sự hiện hữu của Minh Chú này.

Tượng **Tứ Tỳ Quán Âm** có một mặt bốn cánh tay, thân màu trắng như mặt trăng, đầu đội mào Ngũ Phật, tóc đen kết thành búi, hai tay chính giữa chắp lại để ở trước ngực, nâng viên ngọc báu Ma Ni; tay bên phải cầm Tràng Hạt Thủy Tinh, tay bên trái cầm Hoa Sen tám cánh ngang bằng lỗ tai. Diện mạo Tịch Tĩnh mỉm cười, dùng mắt Tuệ của Bồ Tát lặng nhìn chúng sinh. Phàm người nào được Quán chiếu, tận cùng đều hay được giải thoát.

Thân mặc quần áo làm bằng tơ lụa ngũ sắc, eo buộc dây lụa màu quý báu, toàn thân có vòng hoa trang nghiêm, hai chân ngồi Kiết Già trong vành trăng trên Hoa Sen.



Ý nghĩa của Tôn Tượng này là:

- .) Thân thể đẹp đẽ: biểu thị cho Báo thân Phật.
- .) Một cái đầu: biểu thị cho sự BẤT NHỊ của Bản tính tuyệt đối.
- .) Bốn tay: biểu thị cho 04 tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Xả.
- .) Hai chân xếp bằng trong tư thế Kim Cương Tọa: biểu thị cho tính NHẤT NHƯ của Sinh tử và Niết Bàn.
- .) Ngồi trên hoa sen ngàn cánh: biểu thị cho tâm Đại Bi.
- .) Vành trăng dung chứa Tôn Tượng: biểu thị cho TÍNH KHÔNG (Śūnyatā).
- .) Hai tay chấp ở tim và cầm viên ngọc: biểu thị cho tâm Bồ Đề, viên ngọc như ý ban cho những thành tựu tối cao và thông thường.
- .) Hai tay còn lại: Tay phải cầm một chuỗi pha lê biểu thị cho lòng Từ Bi không ngưng nghỉ của Ngài trải dài như một dòng không dứt qua trái tim của mỗi một chúng sinh. Tay trái cầm một hoa sen trắng biểu thị cho sự thanh tịnh không biến đổi của Trí Tuệ của Ngài, nở trọn vẹn trên bùn lầy sinh tử.
- .) Viên ngọc: biểu thị cho Trí Tuệ đại lạc như phương tiện.
- .) Hoa sen: biểu thị cho trí Tuệ Tính Không như sự chứng ngộ.

Hoặc có thuyết nói:

Tượng Tứ Tỳ Quán Âm có một mặt có bốn cánh tay, thân màu trắng như mặt trăng, đầu đội mào Ngũ Phạt, tóc đen kết thành búi, hai tay chính giữa chấp lại để ở trước ngực, nâng viên ngọc báu Ma Ni; Tay bên phải cầm Tràng Hạt Thủy Tinh, tay bên trái cầm hoa sen tám cánh ngang bằng lỗ tai. Diện mạo Tịch Tĩnh mỉm cười, dùng mắt Tuệ của Bồ Tát lặng nhìn chúng sinh. Phạm người nào được Quán chiếu, tận cùng đều hay được giải thoát. Khoác tấm da Hươu bên ngực trái phủ kín vai, thân mặc Thiên Y ngũ sắc, phía dưới mặc xiêm y, quần lụa màu đỏ, eo buộc dây lụa màu quý báu, toàn thân có vòng hoa trang nghiêm, các vật trang sức như : Khuyên tai, vòng xuyên ở cổ tay, vòng đeo trên cánh tay, vòng đeo chân... đều làm bằng ngọc báu Anh Lạc. Vòng chuỗi thứ nhất đeo ở cổ, vòng chuỗi thứ hai dài đến ngực, vòng chuỗi thứ ba dài đến rốn. Hai chân ngồi Kiết Già trong vành trăng trên Hoa Sen.



- .)Cái đầu: biểu thị cho Thông Đạt Pháp Tính, một vị của Pháp giới
- .)Bốn cánh tay: biểu thị cho bốn Tâm Vô Thượng
- .)Thân màu trắng biểu thị cho Tự Tính Thanh Tịnh không dơ, chẳng vương bởi hai chướng là: Sở Tri Chướng và Phiền Não Chướng
- .)Đầu đội mào năm Phật biểu thị cho Ngũ Trí
- .)Tóc màu đen biểu thị cho sự Bất Nhiễm
- .)Thiên Y ngũ sắc biểu thị cho Phật ở năm phương
- .)Quần lụa màu hồng biểu thị cho Chủng Tính của Hoa Sen, Diệu Quán Sát Trí
- .)Từ khuyên tai trở xuống gồm sáu loại trang nghiêm biểu thị cho sáu Độ.
- .)Xâu chuỗi Anh Lạc thứ nhất đeo ở cổ biểu thị cho Đức Bất Động Như Lai do thành tựu Thiền Định mà được
- .)Xâu chuỗi thứ hai dài tới ngực biểu thị cho Đức Bảo Sinh Như Lai do thành tựu Bồ Thái mà được
- .)Xâu chuỗi thứ ba dài tới rốn biểu thị cho Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai do thành tựu Tinh Tiến mà được
- .)Toàn thân có vòng Hoa trang nghiêm biểu thị cho Vạn Hạnh
- .)Hai chân ngồi Kiết Già biểu thị cho không trụ ở sinh tử
- .)Tay Ấn biểu thị cho không trụ ở Niết Bàn
- .)Lại hai tay chính giữa chấp lại để ở trước ngực, đại biểu cho Trí Tuệ và Phương Tiện cùng vận chuyển hợp nhất
- .) Riêng tay phải cầm xâu chuỗi bằng Thủy Tinh, đại biểu cho mỗi viên ngọc liền cứu độ một Chúng Sinh xa lìa luân hồi
- .) Riêng tay trái cầm Hoa Sen, đại biểu cho Thanh Tịnh phiền não.





CHÂN NGÔN VÀ THỦ ÁN CỦA TỨ TÝ QUÁN ÂM

Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn

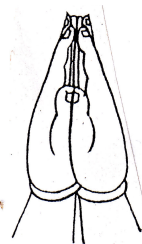
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM MAṆI PADME HŪM

Thủ Ấn căn bản:

.)Liên Hoa Hợp Chưởng Ấn: (Padma-jāli-mudra)

Chắp hai tay lại sao cho mười đầu ngón tay dính vào nhau. Xong đặt trước lòng ngực biểu thị cho tư thế kính lễ (Namaskara) rồi tụng Lục Tự Minh Chú.



- Ý nghĩa: 05 ngón tay trái biểu thị cho 05 đại của chúng sinh, 05 ngón tay phải biểu thị cho 05 đại của Giác Ngộ giới. Chắp hai tay dính nhau biểu thị cho năng lực chẳng thể phân chia hai giới. Nếu năng lực này bị Tham Sân Si chi phối thì nó đưa chúng Hữu Tình đi vào cõi luân hồi, ngược lại năng lực này được Giới Định Tuệ điều khiển thì nó đưa người tu hành đến cõi giải thoát sinh tử.

Đây cũng là ý nghĩa là các Đạo sư Mật giáo thường nói : **“Dâm, Nộ, Si chính là Giới, Định, Tuệ”**

Nay chắp tay để trước ngực theo tư thế kính lễ, nghĩa là tôi xin một lòng từ bỏ cõi luân hồi, nguyện xin mau vào cõi giải thoát.

.)Bát Diệp Liên Hoa Ấn:

Chắp hai tay lại sao cho ở giữa hai lòng bàn tay có khoảng trống không (Hư Tâm hợp chuông) rồi trì tụng hồng danh Quán Thế Âm. Từ từ mở các ngón vô danh, giữa, trỏ...ra giống như hoa sen nở thành 8 cánh, rồi trì tụng Lục Tự Minh Chú.



- Ý nghĩa: 02 tay chắp lại giữa trống không biểu thị cho ý nghĩa mỗi một chúng sinh vốn có Tâm Bồ Đề cực thanh tịnh. Trì tụng Hồng danh Quán Thế Âm Bồ Tát để cầu xin lực gia trì của ngài giúp cho ta phá vỡ màn Vô minh che lấp Bản Tâm.

- Mở các ngón tay thành hoa sen 08 cánh, biểu thị cho sự chuyển đổi Tâm phàm phu thành Tâm Thánh Nhân. Trì tụng Lục Tự Minh Chú để cầu xin mau chóng trực ngộ được Phật Trí vốn có trong Tâm của mình.

*) Nếu Hành Giả quán tưởng trong lòng hai bàn tay của **Bát Diệp Liên Hoa Ấn** có viên ngọc Như Ý thì trì tụng Chân Ngôn là:

ॐ मणि पद्मे ह्रीं

OM MANI PADME HŪM HRĪḤ

_Chú Luân của Lục Tự Đại Minh theo văn tự siddham:



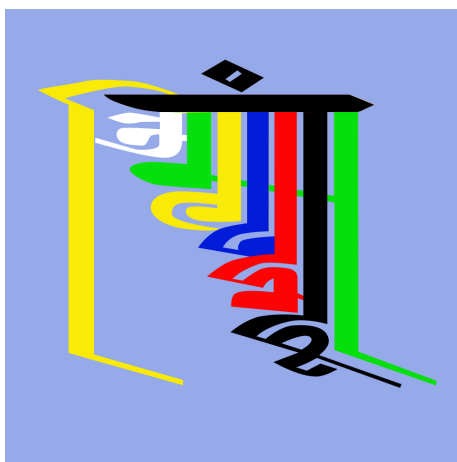
_ Chú Luân của Lục Tự Đại Minh theo văn tự Uchen trong Tạng Mật:



_ Chú Luân của Lục Tự Đại Minh theo văn tự Lantsa:



Sáu chữ **Lục Tự Đại Minh** được viết thành một chữ, nhằm giúp cho Đồ Chúng thờ phượng hoặc mang theo thân mình, nhằm tránh tai hoạ, cầu Phước Báo.



QUÁN ÂM LINH CẢM CHÂN NGÔN



Bài Chú này không xác định được xuất xứ. Theo người soạn dịch thì bài Chú này được khai triển từ Pháp tu **Lục Tự Đại Minh Thần Chú** nhằm để tinh luyện các Căn cho tinh sạch

“**Án, ma ni bát di hồng, ma hát nghê nha nạp tích đô đặc ba đạt, tích đặc ta nạp, vi đạt rị cát, át nhi cán nhi tháp, bốc rị tất tháp cát, nạp bồ ra nạp, nạp bốc rị, thuru thất ban nạp. Nại ma lô kiết thuyết ra gia, tóa ha**”

ॐ म॑म॒ प॒द्मे ॑ ह॒ं म॒ह॑त्त॒ज्ज॒न॒क॒रु॒ म॒व॑र॒क॒रु॒मि॒न॒ वि॒द॒रि॒य॒ म॒ह॑त्त॒
प॒रि॒स॒व॒द्य॒ न॒पु॒रु॒ न॒प॒रि॒ उ॒त्त॒प॒न॒ न॒मः ॑ वि॒श्व॒व॒रु॒च॒य॒ स॒ह॑

OM MAṆI PADME HŪM MAHĀ-JĀNA-KETU SAVĀDA, KETU ŚANA, VIDHĀRIYA, SARVĀRTHA PARISĀDHAYA NĀPURṆA NĀPARI, UTTĀPANĀ, NAMAḤ LOKEŚVARĀYA SVĀHĀ

Ý nghĩa căn bản của bài Chú này là:

ॐ म॑म॒ प॒द्मे ॑ ह॒ं

Án, ma ni bát di hồng

*) OM_ MAṆI PADME HŪM

महा कुण्डलु सवदा

Ma hát nghe nha nạp tích đồ đặc ba đạt

*) MAHĀ-JĪNĀNA-KETU SAVĀDA

Tính chất màu nhiệm của cây phượng Đại Trí

कुण्डलु

Tích đặc ta nạp

*) KETU ŚĀNA

Ngồi dưới cây phượng này

विदहारीय

Vi đạt rị cát

*) VIDHĀRIYA

Xa lìa sự chấp giữ

सर्वथ पारिसाधया

Tát nhi cán nhi tháp, bóc rị tất tháp cát

*) SARVĀRTHA PARISĀDHAYA

Tác thành tựu trong khắp các cõi

नपूरुणा

Nạp bỏ ra nạp

*) NĀPŪRṆA

Không có gì không đầy đủ

नपारि

Nạp bóc rị

*) NĀPARI

Không có gì có thể vượt hơn được

उत्तपाना

Thư thất ban nạp

*) UTTĀPANĀ

Luyện căn, tinh luyện các căn làm cho trong sạch

नमो लोकेश्वरया

Nại ma lô kiết thuyết ra gia

*) NAMAḤ LOKEŚVARĀYA

Quy mệnh Đức Thế Tụ Tại

सुहा

Tóa ha

*) SVĀHĀ

Thành tựu công Đức nội chứng của Ngài

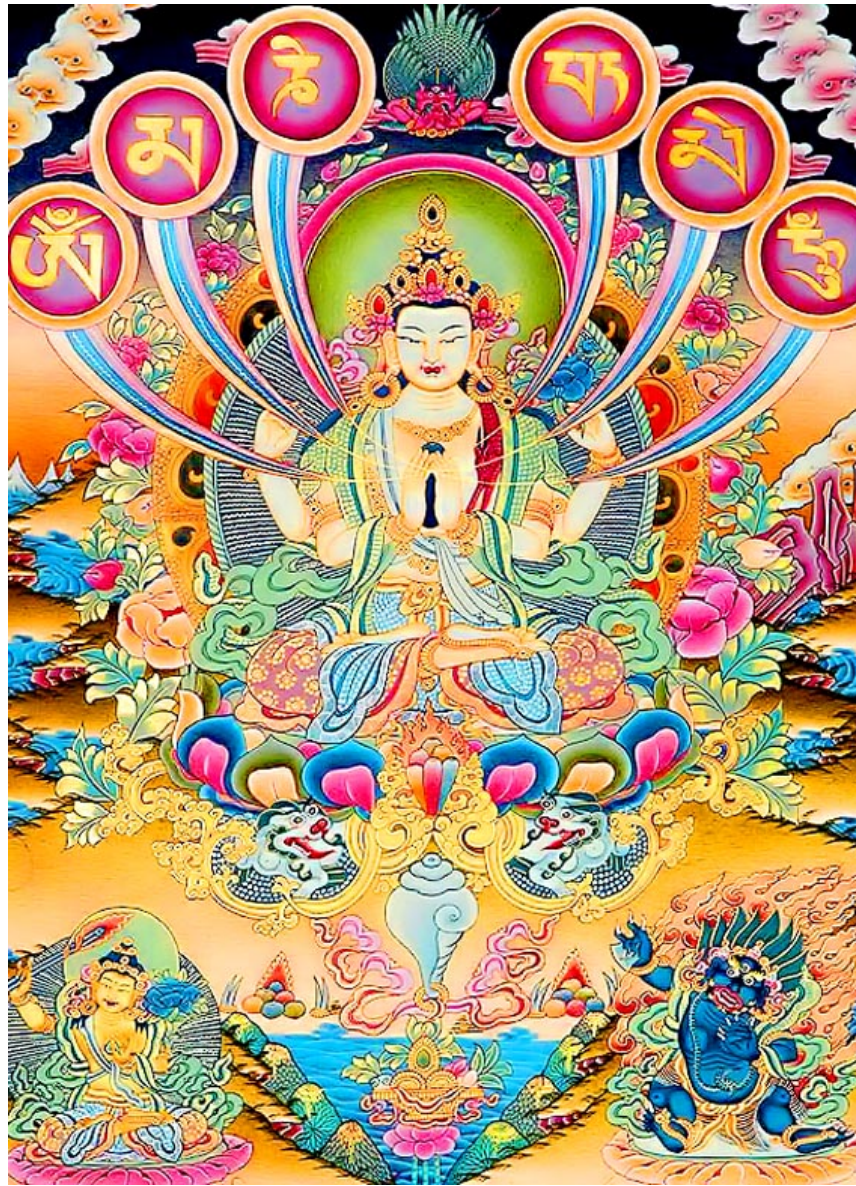
Toàn bài Chú trên có thể diễn dịch là :

“OM MAṆI PADME HŪM là tính chất màu nhiệm của cây phượng Đại Trí. Hãy ngồi dưới cây phượng ấy, xa lìa mọi sự chấp giữ mà tác thành tựu trong khắp các cõi. Hãy tinh luyện các Căn cho tinh sạch sao cho không có gì không làm đầy đủ và không có gì có thể vượt hơn được.

Con xin quy mệnh Công Đức nội chứng của Đức Thế Tụ Tại. Nguyện cho con được thành tựu như Ngài”

Ngoài ra, người ta còn thờ phượng Tôn Tượng của Tứ Tỳ Quán Âm chung với Lục Tự Đại Minh





– **Phật Thuyết Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh**, quyển 4 ghi nhận cách tạo dựng **Mạn Noa La** (Maṇḍala: Đàn Trường) để tu tập **Lục Tự Đại Minh** là:

“Quán Tự Tại Bồ tát bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Người chẳng thấy **Mạn Noa La** (Maṇḍala:Đàn Trường) thì chẳng thể được Pháp này. Làm sao biết là **Liên Hoa Ấn** (Padmāṅkamudra)? Làm sao biết là **Tri Ma Ni Ấn** (Maṇidhāra-mudra)? Làm biết **Nhất Thiết Vương Ấn** (Sarva-rājendrā-mudra)? Làm sao biết là **Thể Thanh Tịnh của Mạn Noa La** (Maṇḍala-parisuddhim)?

Nay tướng của Mạn Noa La này: Chu vi bốn phương vuông vức, đều dài khoảng năm khuỷu tay, chính giữa (trung tâm) Mạn Noa La an lập Đức **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus-buddha). Dùng phần an bày, nên dùng bột báu **Nhân Nại La Nỉ La** (Indra-nīla-cūrṇam), bột báu **Bát Nột Ma La Nga** (Padma-rāga-cūrṇam), bột báu **Ma La Yết Đa** (Marakata-cūrṇam), bột báu **Pha Để Ca** (Sphāṭika- cūrṇam), bột báu **Tô phộc La Noa Lỗ Bá** (Suvārṇa-rūpya- cūrṇam)

Ở bên phải Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, để **Tri Đại Ma Ni Bảo Bồ Tát** (Mahāmaṇi-dhāra-bodhisattva)

Ở bên trái Đức Phật để Đức **Lục Tự Đại Minh** (Ṣaḍ-akṣarī-mahā-vidya) có bốn cánh tay, màu thịt trắng như màu mặt trăng mùa Thu với mọi loại báu trang nghiêm. Tay trái cầm hoa sen, bên trên hoa sen để báu Ma Ni. Tay phải cầm tràng hạt, hai tay bên dưới kết Nhất Thiết Vương Ấn.

Ở bên dưới bàn chân của Đức **Lục Tự Đại Minh** để Trời Người với mọi thứ trang nghiêm; tay phải cầm lò hương, lòng bàn tay trái bung cái bát chứa đầy các thứ báu.

Ở bốn góc của Mạn Noa La bày hàng **bốn vị Đại Thiên Vương** cầm giữ mọi loại Khí Trọng.

Ở bốn góc bên ngoài Mạn Noa La để bốn cái **Hiền Bình** (Pūrṇa-kumbhā) chứa đầy mọi loại **báu Ma Ni** (Maṇi-ratna)

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện muốn vào Mạn Noa La đó thì hét thảy quyển thuộc chẳng được theo vào trong Mạn Noa La đó mà chỉ viết tên của họ. Người vào trước tiên ném tên họ của quyển thuộc ấy vào trong Mạn Noa La thời các quyển thuộc đều được địa vị của Bồ Tát. Ở trong người ấy lia các khổ não, mau chứng được **A Nậu Đa La Tam Miếu Tam Bồ Đề** (Anuttarā-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác)”

Phàm người trì niệm danh hiệu của **Tứ Tỳ Quán Âm** với tụng trì Lục Tự Đại Minh Chú không chỉ có thể tiêu trừ sự sợ hãi của bệnh khổ, hình phạt, cái chết đột ngột không đúng thời, mà còn khiến tăng thêm thọ mạng, tiền của dư dả giàu có. Tức là khiến sau khi mạng chung đi đến các cửa ở 3 nẻo ác cũng được đóng kín lại, mà được sinh về các nẻo lành. Lại được học tập Phật Pháp, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, lợi ích công đức rất là rộng lớn.

PHƯƠNG THỨC ĐƠN GIẢN TU TRÌ PHÁP TỨ TỶ QUÁN ÂM

Thân diệp sắc trắng tinh thanh tịnh
Mắt hiền từ nhìn ngó chúng sinh
Bốn tay hóa độ hữu tình
Bốn Tâm vô lượng hiện hình trang nghiêm
Đầu đội mào hiện **năm Trí Phật**
Khuyên muôn loài quy Phật Pháp Tăng
Chí luôn **lánh dữ làm lành**
Sửa **Tâm thanh tịnh**, tự thành Pháp Tu
Nay con thành kính cúi đầu
Quy y **Tam Bảo**, kính cầu **Quán Âm**
NAMO RATNATRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYĀ-CATUR-BHŪJA AVALOKITEŚVARĀYA
BODHISATVĀYA MAHĀSATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA
NAMAḤ ṢAḌ-AKṢARĪ MAHĀ-VIDYĀ BODHISATVĀYA MAHĀSATVĀ
OM MAṆI PADME HŪM

Do giận dữ, oán hận
Chiêu quả báo **Địa Ngục**
Chịu cực hình thống khổ
Khó có kỳ thoát ra
Nương uy lực chữ **Hùm** (HŪM)

Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ, Chướng, Hoặc**
Đóng bít nẻo Địa Ngục
OM MANI PADME HŪM

_ Do tham dục, thèm khát
Chiêu quả báo **Quý đói**
Mang thân thể xấu xí
Chịu đói khát triền miên
Nương uy lực chữ **Mê (ME)**
Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ, Chướng, Hoặc**
Đóng bít nẻo Quý đói
OM MANI PADME HŪM

_ Do gây tạo nghiệp ác
Chiêu quả báo **súc sinh**
Tâm Thức thường trì độn
Săn đuổi ăn nuốt nhau
Nương uy lực chữ **Bát (PAD)**
Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ, Chướng, Hoặc**
Đóng bít nẻo súc sinh
OM MANI PADME HŪM

_ Do chưa trọn Hạnh lành
Tuy được sinh làm **người**
Còn hoài nghi, tự kiêu
Không thật biết **đúng, sai**
Nương uy lực chữ **Ni (NI)**
Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ, Chướng, Hoặc**
Đóng bít nẻo con người
OM MANI PADME HŪM

_ Do Định Lực khá cao
Sinh làm **A Tu La**
Vẫn ganh tỵ, tranh đấu
Luôn chiến đấu, tranh giành
Nương uy lực chữ **Ma (MA)**
Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ, Chướng, Hoặc**
Đóng bít nẻo Tu La

OM MANI PADME HŪM

Do làm nhiều việc Thiện
Được sinh vào cõi **Trời**
Tâm: kiêu mạn, ảo tưởng
Ngăn che đường giải thoát
Nương uy lực chữ **Án** (OM)
Trong **Lục Tự Đại Minh**
Tịnh hóa Tâm Ý ấy
Dứt trừ **Khổ, Chướng, Hoặc**
Đóng bít các nẻo Trời
OM MANI PADME HŪM

Hồi năng lực Đại Bi
Từ **Tứ Tỳ Quán Âm**
Đấng **Lục Tự Đại Minh**
Phóng ánh sáng thanh tịnh
Soi chiếu Thân Tâm con
Chỉ bày việc cần làm
Từ nền **mười nghiệp lành**
Tu **bốn Tâm Vô Lượng**
Gom tư lương **Phước Trí**
Tăng trưởng **Ba La Mật**
Lợi mình, lợi chúng sinh
Cứu cánh thành Phật Quả
OM MANI PADME HŪM HRĪH

28/02/2017